VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 101/2026/VBHN-NĐ-BXD

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH
về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển

Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017, được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần bởi:

1. Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018;

2. Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển[1].

---

[1] Nghị định số 147/2018/NĐ-CP, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải."

- Nghị định số 14/2026/NĐ-CP, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh vận tải biển là việc sử dụng tàu biển để kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý.

2. Vận tải biển quốc tế là việc vận chuyển hàng hóa, hành khách, hành lý bằng tàu biển giữa cảng biển Việt Nam và cảng biển nước ngoài hoặc giữa các cảng biển nước ngoài.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

Điều 4. Điều kiện chung về kinh doanh vận tải biển[2]

Là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải biển được thành lập theo quy định của pháp luật (sau đây viết tắt là doanh nghiệp).

Điều 5. Điều kiện đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế[3]

Ngoài quy định tại Điều 4 Nghị định này, doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển quốc tế còn phải có bảo lãnh theo quy định của pháp luật với mức tối thiểu là 05 tỷ đồng Việt Nam hoặc mua bảo hiểm để bảo đảm nghĩa vụ của chủ tàu đối với thuyền viên theo quy định.

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 61/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng."

[2] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.; được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

Điều 6.[4] **(*được bãi bỏ*)**

Điều 7. Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài tham gia vận chuyển nội địa bằng tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam

1. Tổ chức nước ngoài tham gia vận tải nội địa bằng tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam phải thành lập doanh nghiệp liên doanh theo quy định, trong đó tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

2. Thuyền viên nước ngoài được phép làm việc trên tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam hoặc tàu biển được đăng ký tại Việt Nam thuộc sở hữu của các doanh nghiệp liên doanh tại Việt Nam nhưng tổng số thuyền viên nước ngoài không được vượt quá 1/3 định biên của tàu biển; đồng thời, thuyền trưởng hoặc thuyền phó nhất của tàu biển đó phải là công dân Việt Nam.

3.[5] **(*được bãi bỏ*).**

Điều 8.[6] **(*được bãi bỏ*)**

Điều 9.[7] **(*được bãi bỏ*)**

Điều 10.[8] **(*được bãi bỏ*)**

Chương III
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐẠI LÝ TÀU BIỂN

Điều 11. Điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển tại Việt Nam phải được thành lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển, tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Điều 12. Điều kiện về nhân viên đại lý[9]

Nhân viên đại lý tàu biển phải là công dân Việt Nam, đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp chứng chỉ chuyên môn về đại lý tàu biển theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018; được bãi bỏ theo quy định tại Điều 67 của Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

[5] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[6] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[7] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[8] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[9]Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Chương IV
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ LAI DẮT TÀU BIỂN

Điều 13. Điều kiện kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển[10]

1. Là doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam phải được thành lập theo quy định của pháp luật. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển, tỷ lệ phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của doanh nghiệp.

2. Có quyền sử dụng hợp pháp tối thiểu 01 tàu lai dắt; tàu lai dắt phải là tàu thuyền mang cờ quốc tịch Việt Nam.

Điều 14. Điều kiện về tổ chức bộ máy và nhân lực

1. Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế.

2. Có người chuyên trách thực hiện công tác pháp chế đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật.

3.[11] ***(được bãi bỏ).***

Điều 15. Điều kiện đối với tổ chức nước ngoài sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam

1. Tổ chức nước ngoài chỉ được sử dụng tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài để kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển tại Việt Nam khi tàu lai dắt mang cờ quốc tịch Việt Nam không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Định kỳ hàng năm, Bộ Giao thông vận tải thông báo về năng lực đội tàu lai dắt mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. Tàu lai dắt mang cờ quốc tịch nước ngoài phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường.

3.[12] **(*được bãi bỏ*).**

4. Tổ chức nước ngoài phải có hợp đồng lai dắt với bên thuê lai dắt của Việt Nam.

5. Tổ chức nước ngoài phải có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc doanh nghiệp lai dắt Việt Nam được ủy quyền tại Việt Nam.

---

[10] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[11] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[12] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[13]

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Hướng dẫn và thực hiện các quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định tại Nghị định này.

Điều 17. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Hoạt động đúng mục đích, nội dung ghi trong giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Duy trì điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

3. Cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển của doanh nghiệp mình khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bằng văn bản.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp[14]

---

[13] - Điều 7 Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018, quy định như sau:

"Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này."

- Điều 137, Điều 138 và Điều 139 Nghị định 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026, có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2026, quy định như sau:

"***Điều 137. Hiệu lực thi hành***

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 12 và khoản 3 Điều 138 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Điều 38 và khoản 2 Điều 43 của Nghị định này có hiệu lực thi hành khi Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành và có hiệu lực thi hành.

Điều 138. Bãi bỏ một số điều, khoản, điểm tại các Nghị định của Chính phủ có liên quan

1. Bãi bỏ một số điều, khoản và Phụ lục của Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng

a) Bãi bỏ Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37, Điều 39 và Điều 44;

b) Bãi bỏ khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 38;

c) Bãi bỏ khoản 5 Điều 45;

d) Bãi bỏ mục 1 và các Mẫu 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14 mục 2 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP;

đ) Bãi bỏ Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 144/2025/NĐ-CP.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 23 của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

3. Bãi bỏ Điều 14 của Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Điều 139. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 3 của Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

Doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hoạt động; kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này, các doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện về kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển quy định tại Nghị định này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ Nghị định số 30/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ vận tải biển và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

PHỤ LỤC

MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN

(Kèm theo Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)

Mẫu số 01[15]	***(được bãi bỏ)***
Mẫu số 02[16]	***(được bãi bỏ)***

BỘ XÂY DỰNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

Nơi nhận:
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ (để đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng (để đăng tải);
- Lưu: VT, CHHĐTVN.

[15] Biểu mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.

[16] Biểu mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 3 của Nghị định 147/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 10 năm 2018.